

Số: **2994**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **trợ cấp xã hội học kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên khóa 19D, 20D và 21D hình thức chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Công văn số 14626/BTC-KHTC ngày 16 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với sinh viên các Trường thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ hồ sơ xin trợ cấp xã hội của sinh viên và Thông báo số 2317/TB-ĐHTCM ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học phí kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên khóa 19D, 20D và 21D hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ 3 năm 2022 cho **60 sinh viên** khóa 19D, 20D và 21D hình thức chính quy với tổng số tiền là: **25.440.000 đồng** (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên và mức trợ cấp xã hội, Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện trợ cấp xã hội cho sinh viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ Thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra Giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí – Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓✓

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV. ✓



PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

**BẢNG TỔNG HỢP: TRỢ CẤP XÃ HỘI KỲ 3 NĂM 2022 CHO SINH VIÊN
KHÓA 19D, 20D VÀ 21D HÌNH THỨC CHÍNH QUY**

STT	Khóa học	Mức trợ cấp: 560.000		Mức trợ cấp: 400.000		Tổng cộng	
		Số lượng SV	Mức trợ cấp(đ)	Số lượng SV	Mức trợ cấp(đ)	Số lượng SV	Số tiền trợ cấp (đ)
I.	Trợ cấp xã hội thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.						
1	19D	4	560.000	14	400.000	18	7.840.000
2	20D	4	560.000	16	400.000	20	8.640.000
3	21D	1	560.000	21	400.000	22	8.960.000
	Cộng:	9		51		60	25.440.000

Trong đó:

SV là người DT, sống ở vùng cao:

9

SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo):

47

SV mồ côi cả cha lẫn mẹ:

4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2022
TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Thanh Hải

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI KỲ 3 NĂM 2022 CHO SINH VIÊN
KHÓA 19D, 20D VÀ 21D HÌNH THỨC CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số: 2994/QĐ-DHTCM ngày 18 / 11 / 2022)

140 K / 143
QĐ 197/2021 / 177

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin									
1	1921006683	Trương Gia	Hân	Kinh	19DTH1	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001226960
2	1921006843	Trần Ngọc Hoài	Thương	Kinh	19DTH1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001410675
3	1921006049	Trương Khánh	Thiệu	Kinh	19DTK2	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	1411000424616
4	2021010355	Hoàng Nguyễn Ánh	Vy	Kinh	20DTH3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017599710
5	2121011608	Vũ Minh	Hạnh	Kinh	21DTH2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001474006
		Cộng:	5						2.000.000	
II	Khoa Du lịch									
1	1921003018	Nguyễn Thị	Tâm	Kinh	19DKS02	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	14010001742527
2	2021006231	Bùi Lê Diễm	Châu	Kinh	20DKS03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334504
3	2021001165	Trần Mỹ	Nhàn	Hoa	20DQN01	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333299
4	2121012317	Phạm Thị Trúc	Đào	Kinh	21DKS02	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460874
		Cộng:	4						1.600.000	
III	Khoa Kế toán - Kiểm toán									

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
1	1921004923	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Kinh	19DAC2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001226386
2	2021005758	Tạ Thùy	Dương	Kinh	20DKT2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334334
3	2121009191	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	Kinh	21DKT1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461080
4	2121009256	Đào Phương	Anh	Kinh	21DKT2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461406
		Cộng:	4						1.600.000	
IV Khoa Kinh tế - Luật										
1	1921006999	Nguyễn Hoàng Phương	Quyên	Kinh	19DQF	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001516500
2	1921004683	Lê Minh	Thư	Mường	19DQF	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001276664
3	1921003167	Mẫu Minh	Thông	Raglay	19DQK	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001226580
4	1921003799	Y Minh	Trăng	Xê đăng	19DQK	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001226906
5	2121009619	Phan Thị Phương	Anh	Kinh	21DLD01	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460847
6	2121012870	Nguyễn Anh	Duy	Kinh	21DTL01	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461497
		Cộng:	6						2.880.000	
V Khoa Marketing										
1	1921003885	Giáp Thị	Nguyệt	Tây	19DMA2	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001226757
2	1921000696	Phạm Ngọc Thúy	Vy	Kinh	19DMC3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001226298
3	2021003828	K Thị Thương	Thương	Ê Đê	20DMA1	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1017333897
4	2021007220	Huỳnh Ngọc Thanh	Mai	Kinh	20DMA2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1016996760

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
5	2021000640	Đinh Ngọc	My	Khơ Me	20DMA2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333192
6	2021000571	Nông Thành	Son	Tày	20DQH1	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1017333177
7	2021008496	Nguyễn Hoàng Y Minh	Ngọc	Tày	CLC_20DMA07	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1017598196
8	2121007557	Lê Phú	Hào	Kinh	21DMC3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461239
9	2121007628	Nguyễn Thị Hoa	Mỹ	Kinh	21DMC2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460953
10	2121007545	Đặng Thị Hoài	Thu	Kinh	21DMC3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461424
11	2121011511	Nguyễn Thị	Hòa	Tày	21DMC2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461114
12	2121012211	Hứa Thị	Minh	Nùng	21DMC2	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001461318
		Cộng:	12						5.600.000	
VI	Khoa Ngoại ngữ									
1	1921003271	Nguyễn Thị	Ngân	Kinh	19DTA03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001226429
2	2021007623	Nguyễn Thị Minh	Anh	Kinh	20DTA03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017597475
3	2021007648	Nguyễn Huỳnh Duy	Khang	Kinh	20DTA03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017597501
4	2021007723	Trần Thị Ánh	Tuyết	Kinh	20DTA03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017597555
		Cộng:	4						1.600.000	
VII	Khoa Quản trị kinh doanh									
1	1921003808	Ngô Thị	Trinh	Kinh	19DBH3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001226562
2	1921003608	Phan Kim	Ngân	Kinh	19DQT4	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001226243

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
1	2021005402	Huỳnh Ngọc Thùy	Vân	Kinh	20DHQ1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334252
2	2121008635	Trần Thị Thanh	Thúy	Kinh	21DHQ1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460795
3	2121008455	Trần Duy	Phúc	Kinh	21DHQ2	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001489888
4	2121008640	Trần Thị Mỹ	Thơm	Kinh	21DPF	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001460801
		Cộng:	4						1.600.000	
XI	Khoa Thương mại									
1	1921004177	Nguyễn Thị	Diễm	Kinh	19DTM3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001226456
2	2021006557	Nguyễn Thanh	Vy	Kinh	CLC_20DTM03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	Yêu cầu số TK của vietcombank
3	2121013574	Nguyễn Vy	Quý	Kinh	21DLG2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460935
4	2121013616	Nguyễn Thị Thu	Trang	Kinh	21DLG2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460971
5	2121002108	Nguyễn Thị Ái	Vân	Kinh	21DTM1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461123
6	2121002186	Lê Thị	Vinh	Kinh	21DTM2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001501807
		Cộng:	6						2.400.000	
		Tổng cộng:	60	sinh viên					25.440.000	

Bảng chữ: Hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt



CHÍNH